

UNIT 1. HOME **LESSON 1.2 (page 7)**

I. Grammar

1. We use the Simple Present tense to talk about things that are fact or are true for a long time. (Thì Hiện tại đơn được dùng để nói về sự thật hiển nhiên hay tình trạng lâu dài ở thời điểm hiện tại.)

2. Cấu tạo:

a. Câu khẳng định:

Ex: I often **go** to school by bus. (go)

He **gets** up at six every morning. (get)

She **does** her homework every evening. (do)

I/ We/ You/ They/ DT số nhiều + V_{bare}
He/ She/ It/ DT số ít + V_s/ V_{es}

+ Note:

- Với **động từ** tận cùng bằng "o", "ch", "sh", "x", "s", khi dùng với ngôi số ít → **thêm đuôi "ES"**. (Ex: do → **do**es****, watch → **watch**es****, miss → **miss**es****, ...)
- Với **động từ** tận cùng bằng "y", khi dùng với ngôi số ít → **bỏ "y" và thêm đuôi "IES"**. (Ex: copy → **cop**ies****, study → **stud**ies****, ...)
- Với **động từ** còn lại, khi dùng với ngôi số ít → **thêm đuôi "S"**. (Ex: see → **see**s****, play → **play**s****, ...)

b. Câu phủ định:

Ex: I **don't go** to school by bus. (not go)

He **doesn't get** up at six every morning. (not get)

I/ We/ You/ They/ DT số nhiều + DON'T + V_{bare}
He/ She/ It/ DT số ít + DOESN'T + V_{bare}
(don't = do not; doesn't = does not)

c. Câu nghi vấn:

Ex: **Do you go** to school by bus? (go)

→ Yes, I do. / No, I don't.

Does he get up at six every morning? (get)

→ Yes, he does. / No, he doesn't.

DO + I/ we/ you/ they/ DT số nhiều + V_{bare} ...?
→ Yes, S + do. / No, S + don't.
DOES + he/ she/ it/ DT số ít + V_{bare} ... ?
→ Yes, S + does. / No, S + doesn't.